

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2024/HS-ST
Ngày: 31-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Đinh Thanh Hoàn

ông Nguyễn Huy Lâm

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Tú Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Mè Đức T** (tên gọi khác: không); sinh ngày 26/11/2000, tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mè Đức C và bà Trịnh Thị T1; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 22/8/2024, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Họ và tên: **Đỗ Thu T2** (tên gọi khác: không); sinh ngày 03/4/2006, tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn A, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số H, đường L, khu B phường H (nay là khu phố H, phường T), thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Mạnh H và bà Phạm Thị H1; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 22/8/2024, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người chứng kiến: anh Nguyễn Ngọc T3 và bà Đặng Thị M, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 17 giờ ngày 20/8/2024, Mè Đức T từ huyện Đ xuống thành phố M gặp Đỗ Thu T2 đi chơi, ăn uống đến hơn 18 giờ cùng ngày T điện thoại cho đối tượng tên D1 (chưa rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) hỏi mua 01 gam ma túy “ke”, D1 đồng ý và báo giá 1.500.000 đồng. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày T chuyển tiền qua tài khoản cho D1, đến 22 giờ 30 phút cùng ngày D1 gọi điện cho T đến gốc cây lồi đi vào khách sạn V, thuộc thôn I, xã H để lấy ma túy. Sau khi lấy ma túy Thiệu cất giấu trong người và tiếp tục đi chơi và ăn ngủ tại phòng trọ 305 của T2 tại số H, L, phường H (nay là phường T). Đến khoảng 07 giờ ngày 22/8/2024, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T bàn bạc với T2 mang ma túy ra để sử dụng, T2 đồng ý. Thiệu đổ một ít Ketamine vào 01 tờ tiền nước ngoài màu xanh, nghiền mịn và dùng 01 đoạn ống hút nhựa màu hồng hít một ít Ketamine rồi đưa cho T2 tự hít hết số Ketamine còn lại trên tờ tiền. Ngay sau đó, T đổ thêm một ít Ketamine ra tờ tiền, nghiền mịn để cả hai cùng sử dụng tiếp. Sau khi sử dụng hết số Ketamine trên tờ tiền, T2 tiếp tục đổ thêm một ít Ketamine ra tờ tiền, nghiền mịn để cả hai sử dụng ma túy. Xong, T để túi Ketamine cùng tờ tiền, ống hút lên trên mặt bàn uống nước kê giữa phòng rồi cùng T2 nằm nghe nhạc. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày thì lực lượng Công an kiểm tra hành chính thu giữ tại bàn uống nước 01 túi nilon trong suốt, miệng túi có khóa kẹp nhựa, kích thước khoảng (3x2,5)cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (kí hiệu M1); 01 tờ tiền nước ngoài màu xanh in chữ “BAN K1 INDONESIA 50000 ARS904992” trên mặt tờ tiền có chứa chất bột màu trắng; 01 đoạn ống hút màu hồng dài khoảng 8,5cm có bám dính chất bột màu trắng (kí hiệu M2, M3). Ngoài ra tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh bên trong lắp sim số 0989.556.788; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh lắp sim số 0962.791.116; tạm giữ của T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng lắp sim số 0787.272.206.

Phiếu kết quả xét nghiệm sinh hóa nước tiểu ngày 22/8/2024 đối với Mè Đức T và Đỗ Thu T2 đều dương tính với Methamphetamin DV.

Bản kết luận giám định số: 1357/KL-KTHS ngày 29/8/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận: kết quả giám định ma túy trong 02 mẫu nước tiểu như sau: tìm thấy chất D (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine) và chất ma túy Methamphetamine, MDMA trong nước tiểu ghi thu của Mè Đức T và Đỗ Thu T2 gửi giám định.

Bản kết luận giám định số: 1356/KL-KTHS ngày 29/8/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận: mẫu vật kí hiệu M1, M2, M3 thu giữ của Mè Đức T và Đỗ Thu T2 gửi giám định là ma túy; loại: Ketamine khối lượng như sau: M1: 0,391gam (không phẩy ba chín một gam); M2, M3: dạng vết không xác định được.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2 đều khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Người chứng kiến anh Nguyễn Ngọc T3, chị Đặng Thị M vắng mặt nhưng đều có lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện: khoảng 12 giờ 00 phút ngày 22/8/2024, anh T3 và chị M được Công an thành phố M mời đến phòng 305, nhà số H, L,

khu B, phường H (nay là khu phố H, phường T), thành phố M để chứng kiến việc kiểm tra hành chính. Tại thời điểm kiểm tra, trong phòng có 02 người là Mè Đức T và Đỗ Thu T2. Quá trình kiểm tra, lực lượng Công an đã thu giữ trên mặt bàn uống nước kê ở giữa phòng 01 (một) túi nilon chứa chất tinh thể màu trắng, 01 (một) tờ tiền nước ngoài màu xanh và 01 (một) đoàn ống hút nhựa màu hồng đều bám dính chất bột màu trắng. T và T2 khai nhận với lực lượng Công an chất tinh thể màu trắng trong túi nilon và chất bột màu trắng bám dính trên tờ tiền, ống hút đều là ma túy Ketamine của T và T2 vừa sử dụng cùng nhau.

Tại bản Cáo trạng số: 2450/CT-VKSMC, ngày 21/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố các bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với các bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2. Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị với Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Mè Đức T từ 27 (hai mươi bảy) đến 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2024.

Xử phạt: bị cáo Đỗ Thu T2 từ 24 (hai mươi bốn) đến 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2024.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2.

Về vật chứng và xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy: 0,34 gam (không phải ba tư gam) ma túy, loại Ketamine được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật. Mặt trước phong bì ghi “mẫu vật hoàn lại kèm theo Kết luận giám định số: 1356/KL-KTHS ngày 29/8/2024”; 01 (một) ống hút nhựa màu hồng dài 08cm; 01 (một) sim điện thoại số 0898.556.788. Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, mặt sau đã bị vỡ, máy đã qua sử dụng; 01 (một) tờ tiền nước ngoài màu xanh in chữ “BAN K1 INDONESIA 50000 AS904992”. Trả lại cho bị cáo Mè Đức T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, bên trong gắn 01 sim số 0962.791.116, máy đã qua sử dụng. Trả lại cho bị cáo Đỗ Thị T4 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng, bên trong gắn 01 sim số 0787.272.206, máy đã qua sử dụng;

Tại phiên tòa các bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố các bị cáo. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người chứng kiến không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội*: tại phiên tòa các bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: vật chứng thu giữ, bản ảnh hiện trường, biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, kết luận giám định và phù hợp với lời khai của người chứng kiến cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận khoảng 12 giờ ngày 22/8/2024, tại phòng 305 nhà số H, L, khu B, phường H (nay là khu phố H, phường T), thành phố M, Mè Đức T và Đỗ Thu T2 có hành vi cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi của các bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2 đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước đối với các chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ở địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ về tác hại của ma túy và qui định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, nhưng do lối sống buông thả, thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo đã làm cho tệ nạn ma túy gia tăng, gây ảnh hưởng xấu đến mọi mặt của đời sống xã hội, vì vậy cần xử lý nghiêm, mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, phòng ngừa chung.

[3] *Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án*: Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó Mè Đức T là người khởi xướng, cung cấp ma túy, chuẩn bị dụng cụ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên giữ vai trò chính; bị cáo Đỗ Thu T2 tích cực giúp sức để cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình nhưng thấp hơn bị cáo T.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: các bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2 có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo như đã phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, buộc các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Sau khi giám định, Phòng K2 Công an tỉnh Q hoàn lại Cơ quan CSĐT Công an thành phố M M1: 0,34 gam (không phẩy ba tư gam) ma túy Ketamine kèm theo Kết luận giám định số: 1356/KL-KTHS ngày 29/8/2024 theo đúng quy định của pháp luật là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 (một) ống hút nhựa màu hồng dài 08cm không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, mặt sau đã bị vỡ, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Mè Đức T, đây là công cụ, phương tiện bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) tờ tiền nước ngoài màu xanh in chữ “BAN K1 INDONESIA 50000 AS904992” các bị cáo dùng đồ ma túy để sử dụng ma túy là đồng PUIAH INDONESIA cần tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, bên trong gắn 01 sim số 0962.791.116, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Mè Đức T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng, bên trong gắn 01 sim số 0787.272.206, máy đã qua sử dụng thu giữ của bị Đỗ Thu T2 là tài sản của bị cáo T, T2 không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2.

[8] Về các vấn đề khác: Quá trình điều tra Mè Đức T khai nguồn gốc túi ma túy K đã bỏ ra để tổ chức sử dụng cùng với Đỗ Thu T2 là do T mua được của

Nguyễn Việt D1, sinh năm 1995, trú tại: khu A, phường B, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình điều tra, D1 không thừa nhận việc bán ma túy cho T, ngoài lời khai của T không còn chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Việt D1.

[9] Về áp phí: cần buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Mè Đức T 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2024.

Xử phạt: bị cáo Đỗ Thu T2 25 (hai mươi lăm) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2024.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 0,34 gam (một phẩy ba tư gam) ma túy, loại Ketamine được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật. Mặt trước phong bì ghi “mẫu vật hoàn lại kèm theo Kết luận giám định số: 1356/KL-KTHS ngày 29/8/2024”; 01 (một) ống hút nhựa màu hồng dài 08cm; 01 (một) sim điện thoại số 0898.556.788.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, số IMEI 1: 3586866414065494, số IMEI 2: 358686414161640, mặt sau đã bị vỡ, máy đã qua sử dụng; 01 (một) tờ tiền nước ngoài màu xanh in chữ “BAN K1 INDONESIA 50000 AS904992”.

- Trả lại cho bị cáo Mè Đức T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, số IMEI 1: 354630173048808, số IMEI 2: 354630173246022, bên trong gắn 01 sim số 0962.791.116, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Thu T2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng, số IMEI: 359793757228694, bên trong gắn 01 sim số 0787.272.206, máy đã qua sử dụng

(tình trạng số vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng số: 28/2025/THA, ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và Cơ quan CSĐT Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh).

3. *Về án phí*: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Mè Đức T, Đỗ Thu T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- CQĐT Công an thành phố Móng Cái;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Móng Cái;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Móng Cái;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Huy Lâm Đinh Thanh
Hoàn**

Nguyễn Thùy Dương

